TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2023/HNGĐ - ST.
Ngày: 21 – 7 – 2023.
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thạch Hoàng Tha;

2. Ông Hồ Quốc Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Trân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Mai Minh H, sinh năm 1997; địa chỉ: Ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Thạch Thị Chanh T, sinh năm 2001; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 13/3/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Mai Minh H trình bày:

Nguyên vào năm 2018, ông và bà Thạch Thị Chanh T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Khánh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, đăng ký ngày 18/02/2021. Sau khi kết hôn ông, bà chung sống hạnh phúc, sau đó đến tháng 4/2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, thường xuyên cãi nhau, đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Do mâu thuẫn trầm trọng nên ông, bà sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian chung sống ông và bà T có 02 con chung là Mai Minh N, sinh ngày 20/8/2018 và

Mai Minh T, sinh ngày 09/11//2019, hiện nay các cháu đang sống chung với ông. Quá trình chung sống ông và bà T không có tài sản chung và không có nợ chung.

Tại phiên tòa, ông Mai Minh H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Về hôn nhân xin được ly hôn với bà Thạch Thị Chanh T; về con chung xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung là cháu Mai Minh N, sinh ngày 20/8/2018 và Mai Minh T, sinh ngày 09/11//2019 đến khi thành niên, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn bà Thạch Thị Chanh T:* Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà T, nhưng bà không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà T 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà T để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- *Tại phiên toà, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền; việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án giải quyết:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Mai Minh H.

+ Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Giao 02 người con chung là cháu Mai Minh N, sinh ngày 20/8/2018 và Mai Minh T, sinh ngày 09/11//2019 cho ông Mai Minh H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi thành niên; bà Thạch Thị Chanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông H không yêu cầu.

+ Về tài sản chung: Ông Mai Minh H xác định trong thời gian chung sống bà và bà Thạch Thị Chanh T không có tài sản chung, ông không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về nợ chung: Ông Mai Minh H xác định trong thời gian chung sống bà và bà Thạch Thị Chanh T không có nợ chung, ông không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Thạch Thị Chanh T từ khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà T nhưng bà không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà T hai lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa, bị đơn bà Thạch Thị Chanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Minh H xác định trong thời gian chung sống ông và bà Thạch Thị Chanh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Khánh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, đăng ký ngày 18/02/2021. Hôn nhân của ông H và bà T tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên pháp luật công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Mai Minh H và bà Thạch Thị Chanh T là hợp pháp. Theo nội dung đơn khởi kiện và ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà T với lý do trong quá trình chung sống đến tháng 4/2022 thì hai bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, thường xuyên cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn gay gắt, đời sống hôn nhân không hạnh phúc và ông, bà đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Từ khi ông H chính thức xin ly hôn đến nay nhưng hai bên không tìm biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đối với bị đơn bà Thạch Thị Chanh T, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các tài liệu, chứng cứ mà bên nguyên đơn cung cấp và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà T biết nhưng bà không có ý kiến phản đối gì và cũng không trình bày ý kiến gì cho Tòa án. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông H và bà T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông H được ly hôn với bà T.

[3]. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Mai Minh H xác định trong thời gian chung sống ông và bà T có 02 con chung tên Mai Minh N, sinh ngày 20/8/2018; Mai Minh T, sinh ngày 09/11//2019. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông H xác định từ khi ông và bà T sống ly thân thì ông là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nhật và cháu Thuật, hiện nay cháu vẫn đang chung sống với ông nên ông xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế ông H và bà T đã không còn chung sống với nhau từ tháng 4/2022 cho đến nay, trong khoảng thời gian này cháu N và cháu T chung sống với ông H, do ông trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cuộc sống của cháu đã ổn định; việc thay đổi điều kiện, hoàn cảnh sống sẽ làm ảnh hưởng đến tâm lý, tình cảm, sự phát triển bình thường về mọi mặt của cháu. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu N và cháu T cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là cần thiết và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình giải quyết vụ án ông Mai Minh H không có yêu cầu bà Thạch Thị Chanh T cấp dưỡng nuôi con chung nên

Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Ngoài ra căn cứ vào khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho bà Thạch Thị Chanh T mà không ai được ngăn cản.

[4]. Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Mai Minh H xác định bà và bà Thạch Thị Chanh T không có tài sản chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là có căn cứ.

[5]. Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Mai Minh H xác định ông và bà Thạch Thị Chanh T không có nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là có căn cứ.

[6]. Về án phí: Ông Mai Minh H phải chịu án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Bà Thạch Thị Chanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7]. Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú về đề nghị giải quyết về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ông Mai Minh H được ly hôn với bà Thạch Thị Chanh T.

2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Giao 02 người con chung là cháu Mai Minh N, sinh ngày 20/8/2018 và Mai Minh T, sinh ngày 09/11//2019 cho ông Mai Minh H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến khi thành niên; bà Thạch Thị Chanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn bà Thạch Thị Chanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Mai Minh H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006964 ngày 31/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông H đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Thạch Thị Chanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo

bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- UBND xã Trường Khánh;
- Chi cục T.H.A DS huyện Long Phú;
- Lưu (HS, VP).

Lê Hoàng Bảo